

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2021/HS-ST**
Ngày: 02-03-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Văn Hoạt;

2. Ông Doanh Thiêm Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/HSST-QĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 01 tháng 11 năm 1987 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ĐKKHKT: Xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 23/8/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử về tội “*Công nhiên chiếm đoạt tài sản*”, xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo (Bản án số 71), sau khi trừ thời gian tạm giữ, tạm giam, còn phải chấp hành 08 tháng 19 ngày, thời gian thử thách là 17 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Ngày 27/4/2012 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”, xử phạt 12 tháng tù và tổng hợp hình phạt của bản án số 71 ngày

23/8/2011 của TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, S phải chấp hành 20 tháng 19 ngày tù. S chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/9/2013, hiện đã được xóa án tích.

- Ngày 29/01/2021, Nguyễn Văn S bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số: 01/2021/HS-ST, ngày 29/01/2021.

- Ngoài ra, Nguyễn Văn S còn đang bị điều tra và hành vi trộm cắp tài sản ngày 28/8/2020 theo Quyết định khởi tố vụ án số 158 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Cơ quan CSĐT Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 19/10/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trong một vụ án khác (Có mặt tại phiên tòa).

* *Bị hại:* Ông Mã Thanh M, sinh năm 1954 - Nơi cư trú: Tiểu khu Q, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

* *Người làm chứng:*

- Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1986 – Nơi cư trú: Tiểu khu Q, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1994 – Nơi cư trú: Tiểu khu O, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 – Nơi cư trú: Tiểu khu Q, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Những người làm chứng đều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 03/9/2020, Nguyễn Văn S, sinh năm 1987, trú tại Xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên một mình đi bộ dọc theo lề đường bên phải đường Quốc lộ 3 hướng Hà Nội - Cao Bằng thuộc Tiểu khu Q, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn thì nhìn thấy 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave Alpha, màu đen bạc, BKS 97B1-407.85 (*Chủ sở hữu là ông Mã Thanh M, sinh năm 1954, trú tại Tiểu khu Q, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn*) đang dừng ở lề đường phía đối diện, xe vẫn cầm chìa khóa điện, đầu xe quay hướng Cao Bằng - Hà Nội. S tiếp tục vừa đi vừa quan sát, thấy xung quanh không có ai, S quay lại, tiến về phía chiếc xe mô tô. Khi đến vị trí chiếc xe, S nhanh chóng ngồi lên xe rồi mở chìa khóa điện, điều khiển xe theo Quốc lộ 3 đi thành phố Hà Nội để tiêu thụ chiếc xe vừa trộm cắp được. Đến khu vực chợ Long Biên thuộc quận B, thành phố Hà Nội, S nhờ một người đàn ông tên là H (*Không biết họ, tên đệm, địa chỉ*) bán chiếc xe vừa trộm cắp, được số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) S đem đi tiêu dùng cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 44 ngày 30/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện N kết luận: *Giá trị của 01 xe mô tô*

nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave (Alpha), màu đen-bạc, xe đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là 10.680.000đ (Mười triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Nguyễn Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKSNS, ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường cho ông Mã Thanh M số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn S khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên; Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bổ sung bào chữa hay khiếu nại gì. Lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình, xã hội kiếm tiền bồi thường cho bị hại và phụng dưỡng mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

Về thủ tục tố tụng: Những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa vắng mặt. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra những người làm chứng đã có lời khai đầy đủ. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, Kiểm sát viên không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 03/9/2020, tại khu vực đường Quốc lộ 3 thuộc địa phận Tiểu khu Q, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, Nguyễn Văn S, sinh năm 1987, trú tại Xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có hành vi một mình lén lút trộm cắp 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave Alpha, màu đen - bạc, BKS 97B1- 407.85 của ông Mã Thanh M, sinh năm 1954, trú tại Tiểu khu Q, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn có giá trị 10.680.000đ (Mười triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) đem bán được số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiêu dùng cá nhân hết. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Điều luật có nội dung:

1. “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50 triệu đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

Viện kiểm sát nhân dân huyện N quyết định truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật trước đó đã bị xét xử nhiều lần về các tội xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm, ăn năn hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản thực hiện hành vi phạm tội để có tiền tiêu dùng cá nhân.

[4] Về nhân thân bị cáo có 02 tiền án đã được xóa án tích, đồng thời, bị cáo không có nghề nghiệp, bị khởi tố, điều tra trong các vụ án trộm cắp tài sản khác, cho thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, ý thức chấp hành pháp luật kém. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt đối với bị cáo

- Về hình phạt chính: Với tính chất vụ án và mức độ của hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử thấy cần cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và phòng ngừa chung cho xã hội. Đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định do đó không xem xét áp dụng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại là ông Mã Thanh M yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn S bồi thường cho ông số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) tương đương giá trị chiếc xe S đã trộm cắp. Bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Do đó, cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Mã Thanh M số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

[7] Về xử lý vật chứng trong vụ án: Đối với 01 (*Một*) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave Alpha, màu đen-bạc, BKS: 97B1-407.85 là tài sản trộm cắp Sơn đã đem đi tiêu thụ, quá trình điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Mã Thanh M số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Việc thi hành án khoản tiền này được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự và Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- CA huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ